



**ÁN LỆ 78/2025/AL VỀ VẤN ĐỀ MỤC TIÊU GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP:
NHỮNG LƯU Ý CHO DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ TRONG CÔNG TÁC
QUẢN TRỊ VÀ M&A**

Ngày 24/12/2025, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua án lệ số 78/2025/AL (“**Án Lệ 78**”) về xác định mục đích góp vốn vào công ty. Do đây là lần đầu tiên Tòa án nhân dân tối cao ban hành án lệ về vấn đề này và nội dung có nhiều điểm đi ngược lại với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và thông lệ xét xử của toà án nên hiện nay Án lệ 78 đang là đối tượng gây nhiều tranh cãi trên các Diễn đàn pháp lý. Rất nhiều chuyên gia, luật sư đã nêu ý kiến và hầu hết là phản đối nội dung của Án lệ 78.

Đứng trước vấn đề trên, với tư cách là một đơn vị tư vấn chuyên về pháp luật doanh nghiệp, với nhiều năm kinh nghiệm tư vấn pháp lý trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, ATA sẽ không ngay lập tức khẳng định hay phủ định tính đúng đắn của Án lệ 78 mà sẽ đi vào phân tích các tình tiết, bối cảnh cũng như các quy định pháp luật, cách thực thi quy định pháp luật trên thực tiễn để từ đó giúp quý vị có cái nhìn tổng thể về Án lệ 78 và các vấn đề pháp lý có liên quan.

1. Tóm tắt nội dung Án Lệ 78

Nội dung của Án Lệ 78 như sau:

*“[4] Thực tế, Công ty TNHH Đ (“**Công ty**”) được thành lập năm 2001 có 02 thành viên góp vốn là ông Nguyễn Văn T và ông Trần V, với vốn điều lệ được đăng ký là 1.000.000.000 đồng; đăng ký thay đổi doanh nghiệp các lần sau đó (lần 2, 3, 4, 5) vào các năm 2006, 2010, 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Công ty có 02 thành viên là ông T và ông V với vốn điều lệ Công ty đã đăng ký là 6.000.000.000 đồng.*

*[5] Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty ngày 22/3/2017 nêu trên thì các bên chỉ xác nhận việc góp vốn mà không có nội dung nào xác nhận đây là số vốn góp để thành lập Công ty hay nâng vốn điều lệ của Công ty theo quy định. Các bên chỉ xác định việc chia lợi nhuận, thu nhập của mỗi người là 33,33% mà không có nội dung nào thể hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi người tương ứng với phần vốn góp của mình đối với: các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty theo Điều lệ Công ty. Mặt khác, tại biên bản này, ông H (“**Ông H**”) tự xác định không điều hành việc kinh doanh của Công ty. Nếu xác định đây là việc góp vốn để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 6.000.000.000 đồng lên 7.253.656.000 đồng như các bên đã thỏa thuận thì việc tăng vốn này cũng chưa được công nhận vì chưa đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”.*

“[7] Theo quy định thì vốn điều lệ, việc góp vốn điều lệ để trở thành thành viên Công ty và việc góp vốn để kinh doanh là 2 vấn đề khác nhau. Các bên không có thỏa thuận, không đăng ký tăng vốn điều lệ lên 7.253.656.000 đồng, trong đó, ông H đã góp là 2.751.000.000 đồng nhưng Tòa án xác định ông H góp 33,3% vốn điều lệ là chưa đủ cơ sở. Thực tế thì sau khi thành lập Công ty năm 2001, do thiếu vốn nên ông V, ông T có bàn bạc huy động vốn của ông H để thuê 42.970m² đất mở rộng nhà máy sản xuất ở Hưng Yên (như lời khai của chính đại diện của nguyên đơn). Như vậy, chỉ có cơ sở xác định ông H góp vốn kinh doanh, không phải góp vốn để tăng vốn điều lệ của Công ty. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, xác nhận ông Trần Mạnh H là thành viên của Công ty TNHH Đ với tỷ lệ vốn góp là 1/3 là không phù hợp với các tình tiết nêu trên. Khi giải quyết lại vụ án, nếu không có chứng cứ nào khác thì cần bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.”.

Tóm tắt lại, có thể hiểu tinh thần Án lệ 78 như sau: Các thành viên Công ty (hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) họp, thông qua biên bản cuộc họp ghi nhận việc huy động vốn và nhận vốn góp từ Ông H - một cá nhân khác, không phải thành viên Công ty nhưng trong các tài liệu cuộc họp không ghi nhận việc góp vốn để nhằm mục đích tăng vốn điều lệ, đồng thời, Công ty chưa tiến hành đăng ký kinh doanh ghi nhận thành viên góp vốn mới thì việc góp vốn này chỉ được coi là góp vốn để cùng hợp tác kinh

doanh chứ không phải góp vốn để tăng vốn của Công ty và Ông H không phải là thành viên góp vốn của Công ty.

2. Tình tiết và bối cảnh ra đời của Án Lệ 78

Án lệ 78 được ra đời dựa trên Quyết định giám đốc thẩm số 17/2022/KDTM-GĐT ngày 13/12/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty” đã được xét xử sơ thẩm bởi Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội, xét xử phúc thẩm bởi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Trước đó, cả Tòa án sơ thẩm và Tòa án phúc thẩm đều xác định Ông H tuy chưa thực hiện đủ thủ tục tại Công ty cũng như thủ tục tại cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng đã hoàn thành thủ tục góp vốn nên vẫn được xác nhận là thành viên Công ty và buộc Công ty phải thực hiện thủ tục ghi nhận tư cách thành viên của Ông H. Phán quyết của Tòa sơ thẩm và Tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với thông lệ công tác xét xử hiện nay – khi các thẩm phán đều xem xét, phán quyết theo hướng đi sâu vào gốc rễ, cội nguồn của “sự thật”, còn các vấn đề mang tính “hình thức”, “thủ tục” sẽ có thể được hoàn thiện sau mà không phải là điều kiện tiên quyết. Chính vì vậy, sự ra đời của Án lệ 78 gần như đi ngược lại hoàn toàn với thông lệ đó.

3. Đánh giá cơ sở và tính hợp lý của Án Lệ 78 theo quy định pháp luật hiện hành:

Nội dung căn bản của Án lệ 78 là xác định vấn đề “hình thức”, “thủ tục” là điều kiện tiên quyết để ghi nhận bản chất của sự việc. Cụ thể, tại đoạn “*Nếu xác định đây là góp vốn để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 6.000.000.000 đồng lên 7.253.656.000 đồng như các bên đã thỏa thuận thì việc tăng vốn này cũng chưa được công nhận vì chưa đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp... Các bên không có thỏa thuận, không đăng ký tăng vốn điều lệ... Như vậy, chỉ có cơ sở xác định ông H góp vốn kinh doanh, không phải góp vốn để tăng vốn điều lệ của Công ty...*”, Tòa án đang đưa ra hai căn cứ để xác định không có việc góp vốn để tăng vốn điều lệ tại Công ty gồm:

- + Biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty không có nội dung ghi nhận mục đích góp vốn;
- + Công ty không tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh ghi nhận tên thành viên góp vốn mới.

Sở dĩ Tòa án nhân dân tối cao đưa ra các lập luận này là dựa trên quy định tại Khoản 4 Điều 68 Luật Doanh nghiệp 2014 (Luật Doanh nghiệp có hiệu lực tại thời điểm góp vốn) và Điều 44 Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể:

“Điều 68. Thay đổi vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

- a) *Tăng vốn góp của thành viên;*
- b) *Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.*

4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ, kèm theo thông báo phải có nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên”.

“Điều 44. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp

1. Trường hợp công ty đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp của các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của các thành viên hợp danh công ty hợp danh, công ty gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký.

2. Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty, kèm theo Thông báo quy định tại Khoản 1 Điều này phải có Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên... về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty.”

Theo đó, với quy định nêu trên, Toà xác định cơ sở và logic của việc tăng vốn phải xuất phát từ cuộc họp của các thành viên và chỉ hoàn thành, kết thúc sau khi đã thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Lúc này, Biên bản họp thể hiện nội dung cuộc họp và việc thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh trở thành các căn cứ gốc rễ để xác định có hay không có việc góp vốn để tăng vốn điều lệ và việc góp vốn có làm phát sinh tư cách thành viên góp vốn của người góp vốn hay không? Khi không có các tài liệu “nêu rõ” được mục tiêu góp vốn và khi Công ty không tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh thì tức là việc góp vốn trên chỉ là hoạt động góp vốn hợp tác kinh doanh giữa Ông H và Công ty mà thôi và Ông H không phải là thành viên góp vốn của Công ty.

Nếu khẳng định rằng quan điểm của Toà án là trái luật thì không phải. Tuy nhiên, nếu phân tích kỹ các quy định pháp luật thì chúng tôi cho rằng, lập luận của Toà án chưa thực sự vững chắc. Luật Doanh nghiệp 2014 không hề có bất kỳ nội dung nào quy định về thời điểm góp vốn và cơ sở xác định tư cách thành viên góp vốn, càng không có quy định nào khẳng định rằng cá nhân, tổ chức chỉ được coi là đã góp vốn vào doanh nghiệp khi được Công ty ghi nhận việc góp vốn dùng để tăng vốn điều lệ tại Biên bản cuộc họp và sau khi được Công ty đăng ký kinh doanh ghi nhận tư cách thành viên và giá trị vốn góp tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Nội dung biên bản cuộc họp và việc đăng ký kinh doanh chỉ là câu chuyện hình thức và thủ tục mà Luật Doanh nghiệp yêu cầu Công ty bắt buộc phải thực hiện sau khi đã tiếp nhận vốn góp của thành viên mới. Cụ thể, Luật Doanh nghiệp yêu cầu Công ty phải thông báo việc thay đổi vốn điều lệ trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc tăng vốn điều lệ.

Trên thực tế, ngoại trừ những doanh nghiệp lớn có đội ngũ pháp chế vững mạnh hoặc các doanh nghiệp có sự hỗ trợ của các luật sư, thì hầu hết đều chỉ làm hồ sơ ghi nhận việc góp vốn một cách hết sức sơ sài, không phản ánh đúng nhu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn thỏa thuận của các thành viên hoặc cổ đông. Hơn nữa, việc các doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ đăng ký kinh doanh ghi nhận giá trị vốn điều lệ, thành viên góp vốn mới cũng diễn ra rất phổ biến. Chính tại Nghị định 50/2016/NĐ-CP cũng đã dự liệu hành vi vi phạm quy định về việc đăng ký kinh doanh, theo đó, doanh nghiệp sẽ bị phạt nếu đăng ký kinh doanh quá thời hạn Luật định khi có sự thay đổi, giá trị phạt sẽ tăng cao theo thời gian vi phạm quy định tính từ ngày đến hạn, đồng thời, doanh nghiệp sẽ bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thực hiện thủ tục đăng vi phạm. Trong quá trình ATA tư vấn cho các khách hàng, không ít doanh nghiệp cũng đã từng phạm phải hành vi này và phải đối mặt với việc bị xử phạt.

Thêm vào đó, mặc dù đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, pháp luật doanh nghiệp không có quy định rõ ràng, nhưng đối với công ty cổ phần, Luật quy định rõ cơ sở để xác định thời điểm hoàn thành việc góp vốn và thời điểm ghi nhận tư cách cổ đông như sau:

“Điều 122. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán ra công chúng;

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 123. Chào bán cổ phần riêng lẻ

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh;

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 124. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.”

Có thể thấy, trong trường hợp công ty cổ phần, thời điểm hoàn thành việc chào bán cổ phần và ghi nhận tư cách cổ đông đầy đủ của người mua cổ phần hoàn toàn tách biệt với các thủ tục ghi nhận việc tăng vốn điều lệ, không phụ thuộc vào Biên bản họp tăng vốn điều lệ hay thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ. Theo đó, chỉ cần người mua cổ phần thanh toán đầy đủ và thông tin được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông thì đã có đầy đủ tư cách và có các quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông công ty cổ phần.

Theo ATA, trong trường hợp này, Tòa án nhân dân Tối cao hoàn toàn có thể áp dụng tương tự pháp luật – một nguyên tắc được nêu rất rõ trong Khoản 2 Điều 45 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Theo đó, với công ty trách nhiệm hữu hạn, Tòa cũng cần đánh giá và xác định việc nhận vốn góp và kết nạp thành viên mới của công ty trách nhiệm hữu hạn tách biệt với việc thực hiện thủ tục, hoàn thiện hồ sơ sau đó. Từ đó, việc đánh giá sự việc có thể vẫn theo hướng ghi nhận bản chất vấn đề nếu thực tế các bên đã có thoả thuận hoặc chung ý chí về việc góp vốn để tăng vốn điều lệ (người góp vốn tại thời điểm đó có mong muốn và được các thành viên còn lại đồng ý hay mặc định xác nhận việc góp vốn để tăng vốn điều lệ).

Chính vì vậy, đối với những lập luận, cơ sở đưa ra để xác định và phán quyết mục đích của hành vi góp vốn vào doanh nghiệp tại Bản án Giám đốc thẩm (sau đó trở thành Án lệ 78), chúng tôi cho rằng chưa thực sự thấu tình đạt lý và có thể chưa thực sự phù hợp với diễn biến thực tế của sự việc. Nếu việc góp vốn là sự thật, người góp vốn và doanh nghiệp đều có mục tiêu ban đầu là góp vốn để tăng vốn và góp vốn để trở thành thành viên mới của doanh nghiệp, nhưng chỉ vì không thực hiện đủ thủ tục mà bị huỷ bỏ cả quá trình trước đó thì quả thực là không công bằng cho người góp vốn.

4. Những khuyến nghị của ATA đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư sau khi Án lệ 78 ra đời:

Mặc dù không đồng ý với những nội dung lập luận tại Bản án Giám đốc thẩm, tuy nhiên, khi Bản án đã trở thành Án lệ, Bản án không chỉ tạo ra một tiền lệ mới trong công tác xét xử mà còn là một “hồi chuông cảnh tỉnh” để các doanh nghiệp và nhà đầu tư cần

lưu ý, triển khai, hoàn thiện trong công tác pháp chế, công tác quản trị liên quan đến hoạt động đầu tư, M&A hay thu mua doanh nghiệp.

4.1. Về công tác tổ tụng

Đối với các vụ việc phát sinh công tác xác định tư cách của cổ đông/thành viên góp vốn tại các doanh nghiệp, việc xét xử sẽ phải căn cứ vào yếu tố nội dung thể hiện trên giấy tờ và quá trình triển khai thủ tục thay vì chú tâm khai thác câu chuyện ý chí thực sự của các bên trong thực tiễn hợp tác như trước đây. Nguyên tắc này có thể sẽ tạo ra xu hướng về việc xác định một sự việc hoàn toàn dựa trên tài liệu, thủ tục chứ không khai thác khía cạnh bản chất hoặc tính có thật của sự việc đó như tình huống tại Án lệ 78. Đây là xu hướng mà các thẩm phán và những người tham gia tố tụng cần đặc biệt lưu ý để có phương án tiếp cận và xử lý vụ việc phù hợp nhất.

4.2. Đối với công tác M&A và quản trị doanh nghiệp

Do sự ra đời của Án lệ 78, ATA đặc biệt lưu ý đến doanh nghiệp và nhà đầu tư một số vấn đề quan trọng như sau:

a) Trước hoặc sau khi góp vốn, bắt buộc phải có Biên bản cuộc họp ghi nhận mục tiêu góp vốn là để tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Thực tế, rất nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư bỏ qua hoặc không để ý nội dung này. Hầu hết nội dung chỉ dừng ở việc ghi nhận rất chung chung về giá trị vốn góp, người góp vốn hoặc chi tiết hơn là có thể ghi nhận thời hạn, hình thức và mục đích sử dụng vốn. Doanh nghiệp cần lưu ý rằng, nếu không có nội dung ghi nhận mục tiêu góp vốn thì việc góp vốn này có thể được mặc định là góp vốn hợp tác kinh doanh giữa doanh nghiệp và tổ chức/cá nhân khác, không dẫn đến thay đổi vốn điều lệ.

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, việc góp vốn và tư cách của thành viên góp vốn chỉ được thừa nhận khi đã thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh.

Theo luật, việc góp vốn phải hoàn thành thì Công ty mới phải tiến hành các thủ tục nội bộ để ghi nhận thông tin vào Sổ đăng ký thành viên/cổ đông, phát hành Giấy chứng nhận phần vốn góp hoặc cổ phiếu và thực hiện thủ tục đăng ký ghi nhận vốn điều lệ mới và/hoặc thành viên mới tại cơ quan đăng ký kinh doanh (theo pháp luật hiện hành quy định là trong 10 ngày). Như vậy, với việc Án lệ 78 ra đời và việc giải thích, áp dụng pháp luật tại Án lệ 78 các tổ chức, cá nhân góp vốn sẽ có rủi ro pháp lý nhất định nếu Công ty vi phạm nghĩa vụ triển khai thủ tục nêu trên.

Đối với các trường hợp này, các nhà đầu tư mới cần lưu ý thông qua các thỏa thuận/hợp đồng để ràng buộc trách nhiệm của các cổ đông/thành viên góp vốn hoặc nhóm

các cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ đa số cổ phần/vốn góp - những tổ chức, cá nhân mà tiếng nói và phiếu biểu quyết của họ có tính quyết định trong các quyết định có liên quan tại doanh nghiệp và/hoặc người đại diện theo pháp luật – cá nhân có quyền và nghĩa vụ đại diện cho doanh nghiệp trong việc triển khai tất cả các giao dịch và thủ tục. Khi đó, vi phạm của Công ty được xác định là vi phạm của (nhóm) cổ đông/thành viên góp vốn liên quan và/hoặc người đại diện theo pháp luật và các cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ chịu các chế tài phạt vi phạm hoặc bồi thường thiệt hại theo đúng cam kết/thỏa thuận với nhà đầu tư mới.

c) Các tài liệu cần hoàn thiện, thu thập và lưu trữ để chứng minh việc góp vốn/tăng vốn của doanh nghiệp và nhà đầu tư

Doanh nghiệp phải phân định rõ ràng: việc góp vốn là nhằm mục đích tăng vốn điều lệ hay để hợp tác kinh doanh. Theo đó, đối với trường hợp tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp hoàn thiện, lưu trữ các tài liệu pháp lý chứng minh mục đích góp vốn và kết quả triển khai việc tăng vốn theo đúng quy định, cụ thể:

- (i) Biên bản, Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông ghi nhận việc góp vốn/chào bán cổ phần, mục tiêu góp vốn/chào bán cổ phần là để tăng vốn điều lệ và kết quả góp vốn/chào bán cổ phần sau khi hoàn thành;
- (ii) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi nhận vốn điều lệ sau tăng;
- (iii) Sổ đăng ký cổ đông/thành viên góp vốn ghi nhận thông tin cổ đông/thành viên góp vốn mới;
- (iv) Các chứng từ chứng minh việc góp vốn: sao kê tài khoản hoặc biên bản giao nhận tiền mặt (khi cổ đông góp vốn bằng tiền mặt) hoặc biên bản giao nhận tài sản (khi cổ đông góp vốn bằng tài sản khác ngoài tiền).

Về phía nhà đầu tư, khi triển khai hoạt động M&A/thâu tóm doanh nghiệp, nhà đầu tư cần lưu ý yêu cầu doanh nghiệp hoặc những người có liên quan tại doanh nghiệp cung cấp bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các giấy tờ tại mục (i) đến mục (iii) ở trên và lưu trữ các chứng từ nộp tiền/chuyển tiền góp vốn của mình. Khi nộp/chuyển tiền, nhà đầu tư lưu ý ghi rõ mục đích nộp/chuyển tiền là để góp vốn điều lệ hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp.

Về lâu dài, chúng tôi đề xuất, kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về việc xem xét, ban hành các quy định ghi nhận hoặc giải thích rõ ràng về cách thức và thời điểm ghi nhận việc góp vốn nhằm thống nhất cách hiểu, cách áp dụng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của doanh nghiệp và nhà đầu tư trước những rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động.

Trên đây là bài viết thể hiện quan điểm của đội ngũ ATA trên cơ sở đúc kết từ những hiểu biết, kinh nghiệm trong quá trình tư vấn pháp lý doanh nghiệp nhiều năm qua. Chúng tôi hi vọng có thể cung cấp cho quý vị những nhìn nhận, đánh giá tổng quan, toàn diện về nội dung và những tác động tới hoạt động tổ tụng cũng như hoạt động giải thích, áp dụng pháp luật hiện nay của Án lệ 78. Mọi vấn đề cần được tư vấn hoặc làm rõ, vui lòng liên hệ với đội ngũ Luật sư, Chuyên gia pháp lý của ATA để được phục vụ.

VỀ CHÚNG TÔI

CÔNG TY LUẬT TNHH TOÀN CẦU ATA (ATA LEGAL SERVICES) là một công ty luật được thành lập và điều hành bởi những luật sư dày dặn kinh nghiệm. Mục tiêu và phương châm hoạt động của ATA Legal Services là cung cấp các dịch vụ pháp lý linh hoạt và toàn diện cho các khách hàng là tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. Trong đó, lĩnh vực hoạt động trọng tâm của chúng tôi là tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

Tất cả luật sư thành viên, luật sư, cố vấn cấp cao, chuyên gia tư vấn của ATA Legal Services đều được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm nhiều năm trong những lĩnh vực mà họ phụ trách. Đặc biệt, các luật sư thành viên của ATA Legal Services đều đã từng tư vấn và làm việc với các tập đoàn kinh tế hoặc các ngân hàng, công ty chứng khoán lớn như Vingroup, FLC, DNP Holding, Tasco, Techcombank, SHB, VPS, v.v.

Với thái độ nghiêm túc, chuyên nghiệp cùng với sự tận tâm của đội ngũ khi luôn cố gắng đặt mình vào vị trí của khách hàng để thấu hiểu nhu cầu, nguyện vọng của khách hàng, chúng tôi cam kết sẽ mang tới những dịch vụ hiệu quả và phù hợp nhất cho Quý khách hàng.

- Điện thoại: 091.4645.112
- Email: contact@ata-legal.com
- Website: <https://ata-legal.com>
- Địa chỉ: Số 184 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân, Hà Nội

**ATA
LEGAL
SERVICES**